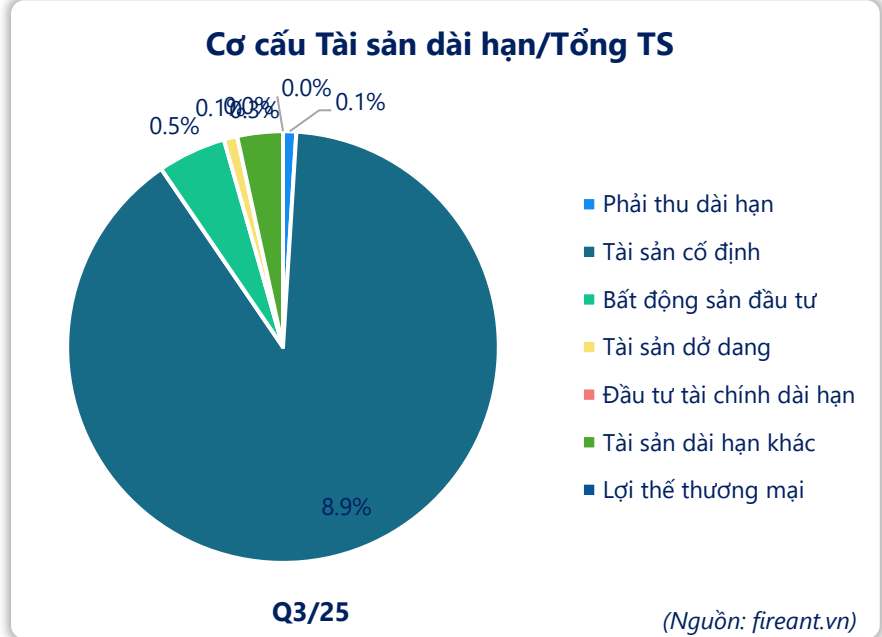
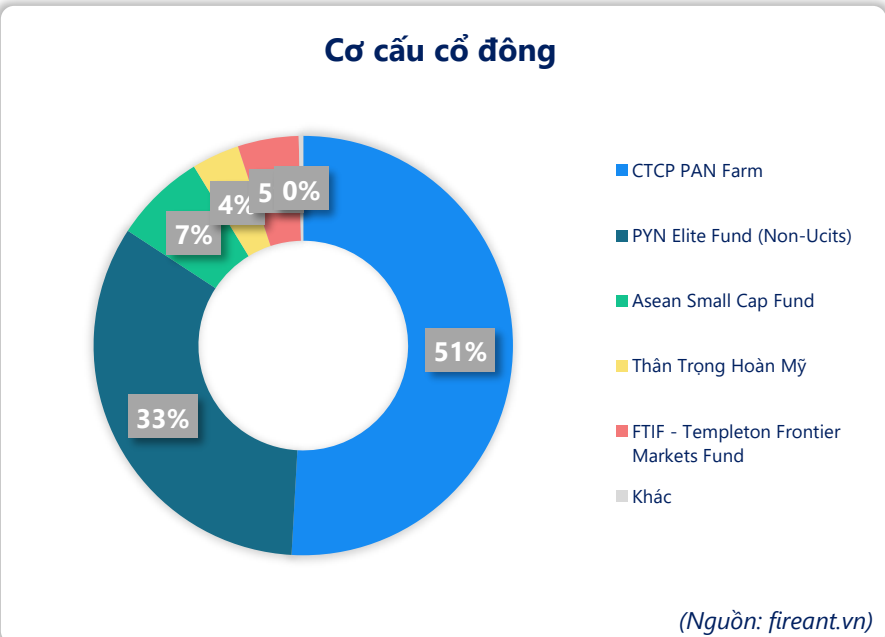
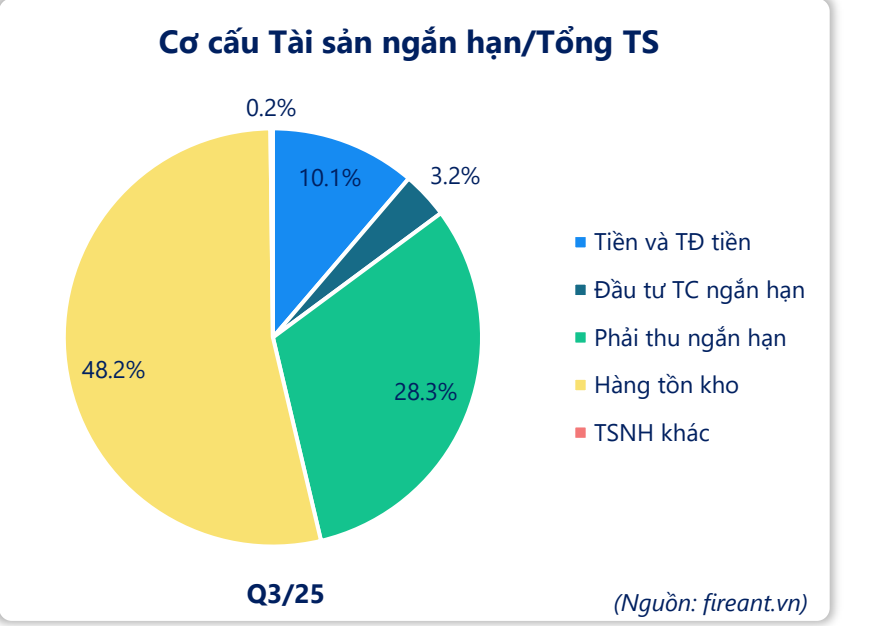
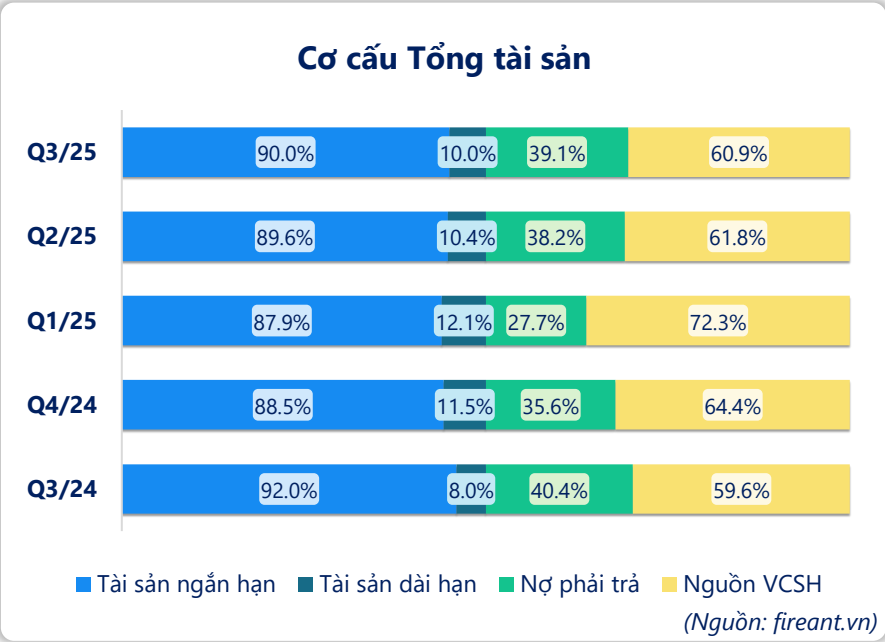
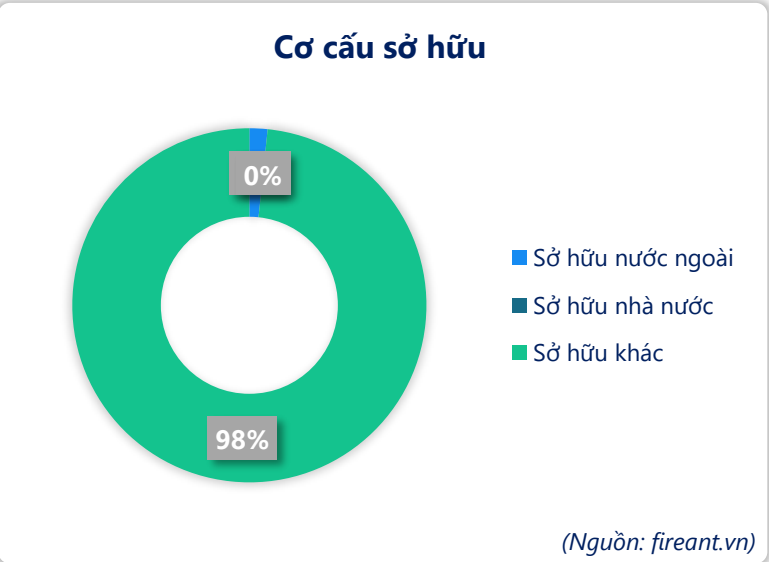
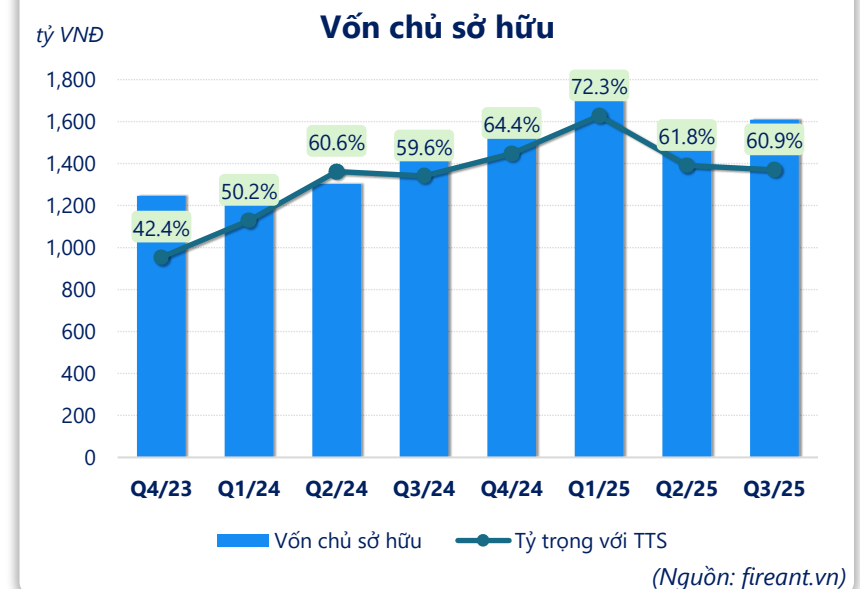
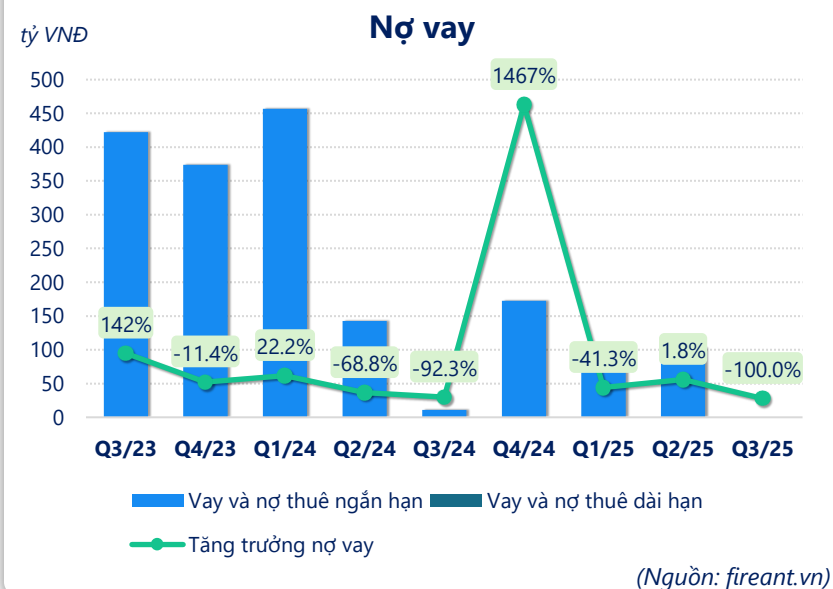
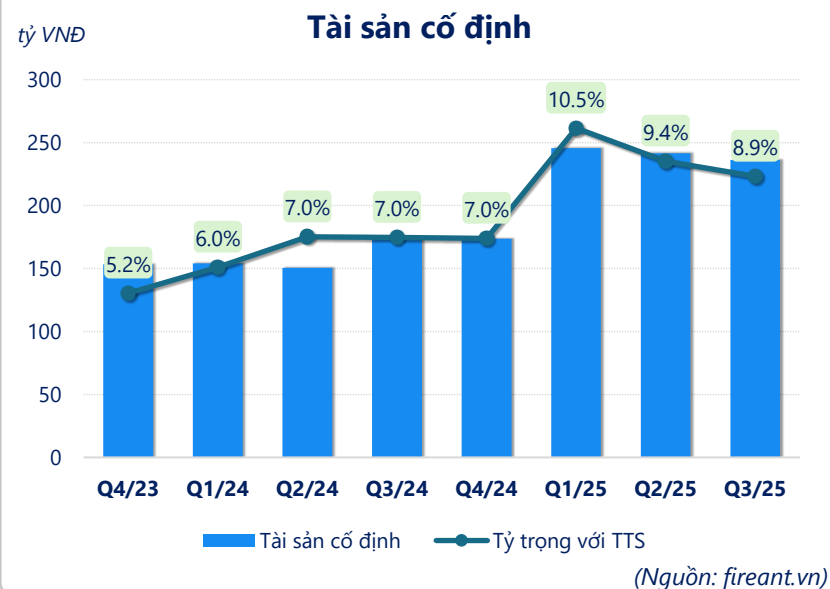
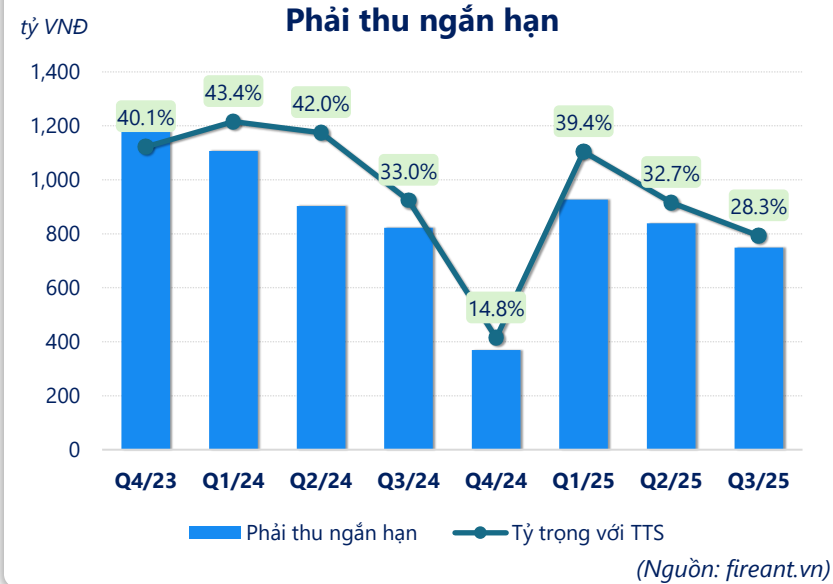
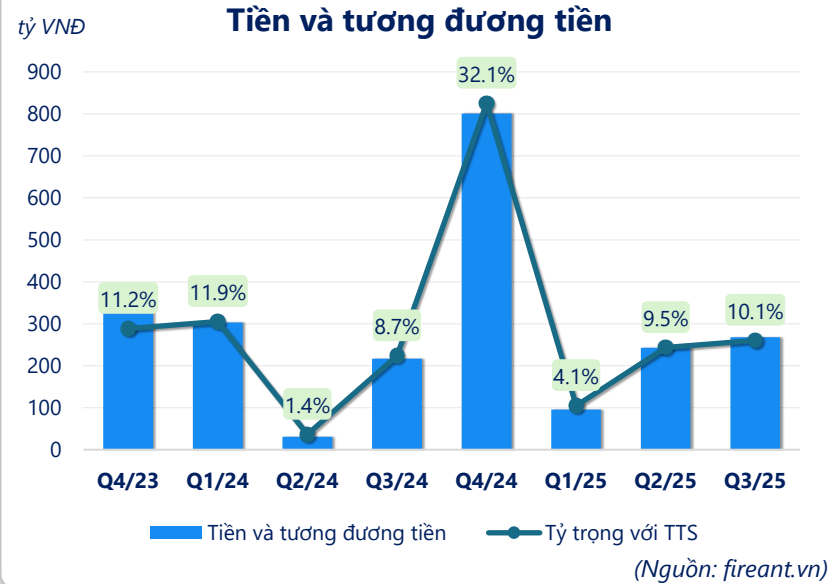
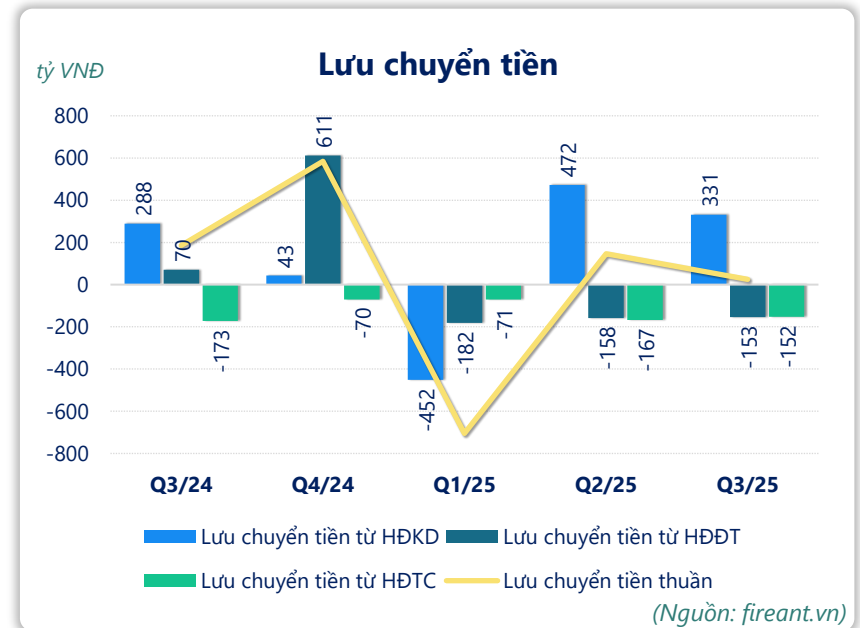
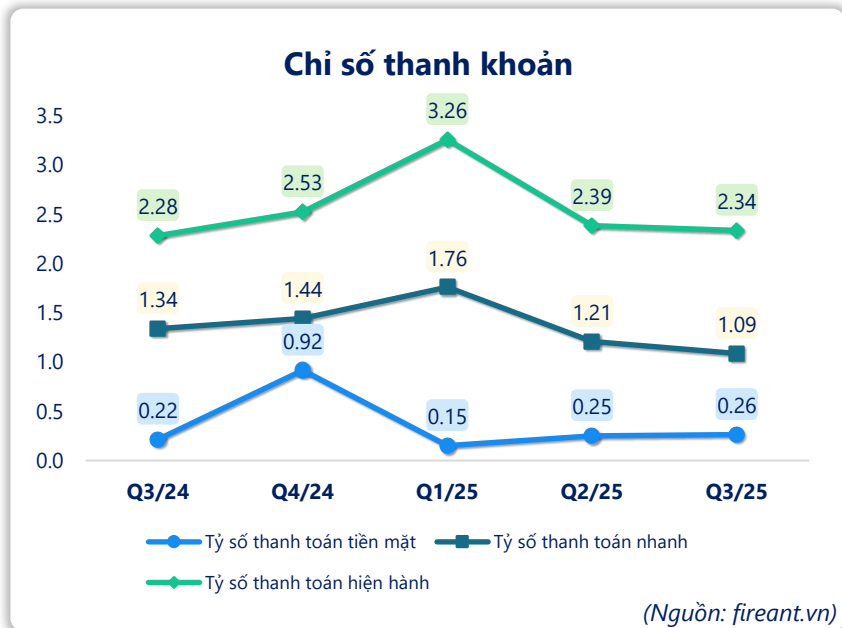
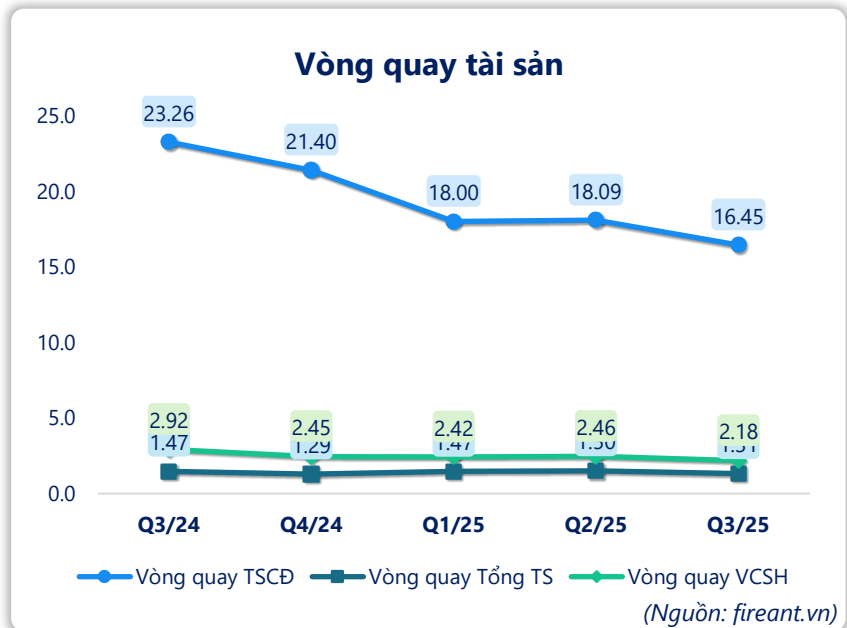
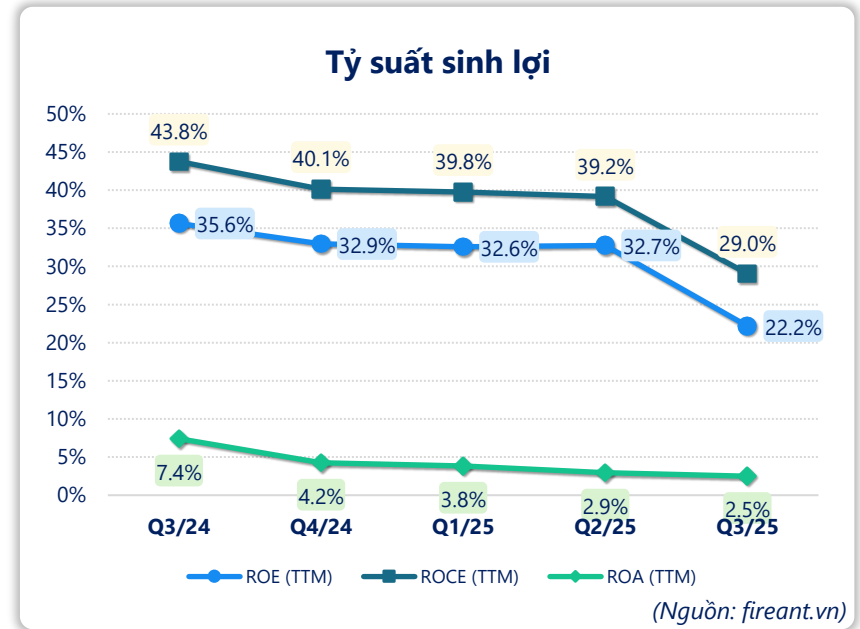
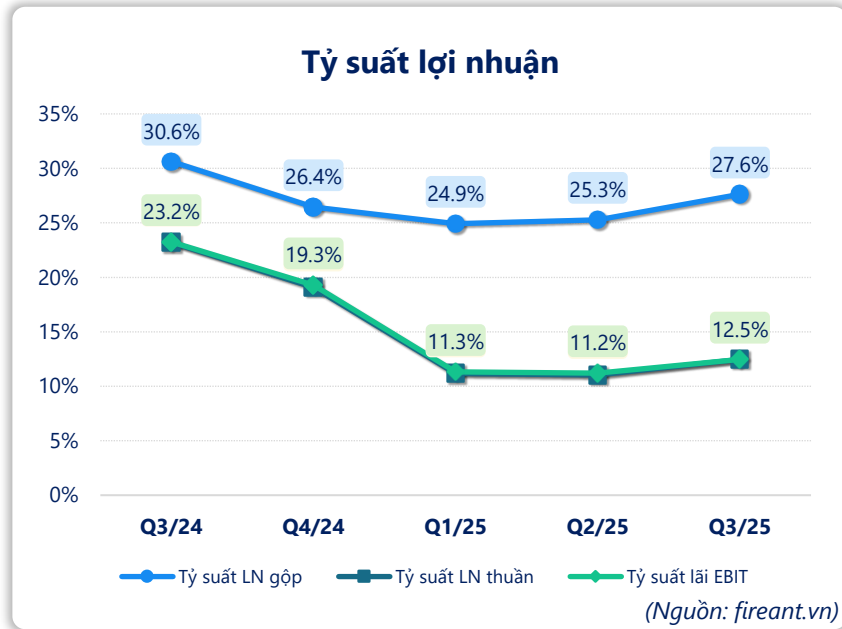
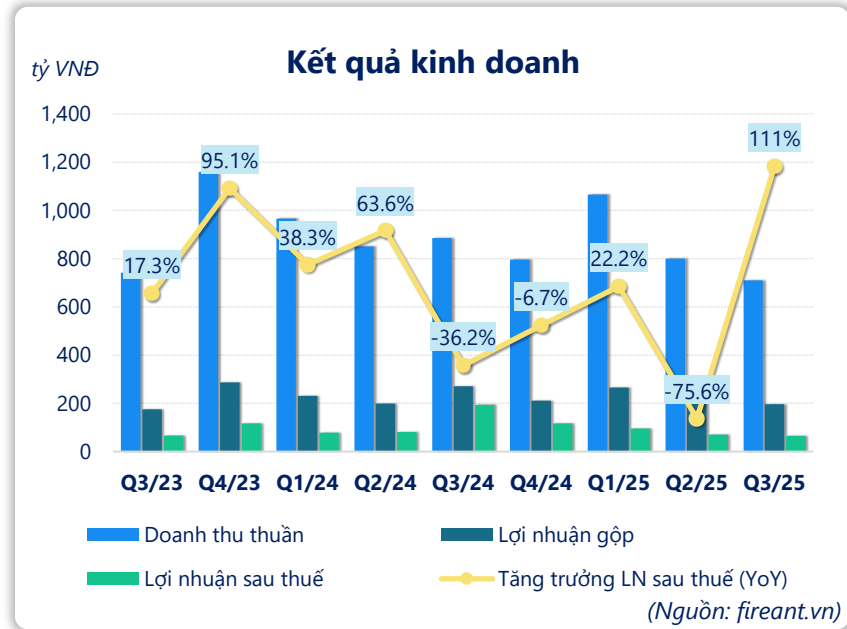


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		57,600
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		84,915
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		56,597
SL cổ phiếu LH		41,712,614
KLGD BQ 20 phiên (CP)		10,140
% sở hữu nước ngoài		1.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		2,403
P/E		7.0
EPS		8,224

	YTD	1T	3T	6T
VFG	-23.5%	-2.7%	-11.6%	-15.0%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	2,644	2,496	5.9%
Tài sản ngắn hạn	2,380	2,207	7.8%
Tiền và tương đương tiền	268	801	-66.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	85.8	83.3	3.0%
Phải thu ngắn hạn	748	369	103%
Hàng tồn kho	1,273	946	34.6%
Tài sản ngắn hạn khác	4.65	8.10	-42.6%
Tài sản dài hạn	264	289	-8.6%
Phải thu dài hạn	2.62	2.00	30.8%
Tài sản cố định	236	250	-5.6%
Bất động sản đầu tư	13.5	14.1	-4.0%
Tài sản dở dang	2.66	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	9.00	22.6	-60.1%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,034	890	16.2%
Nợ ngắn hạn	1,018	874	16.6%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	172	-100%
Phải trả người bán ngắn hạn	601	121	397%
Nợ dài hạn	16.1	16.3	-1.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,610	1,606	0.2%
Vốn chủ sở hữu	1,610	1,606	0.2%
Vốn điều lệ	417	417	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	885	796	1,066	800	711
Giá vốn hàng bán	614	585	800	598	514
Lợi nhuận gộp	271	210	266	202	196
Doanh thu HĐTC	20.4	72.8	18.6	19.1	13.2
Chi phí TC	77.1	8.94	6.75	9.22	22.8
Chi phí lãi vay	0.76	1.14	1.51	1.00	0.58
LN trong công ty LKLD	169	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	166	80.4	126	98.9	75.1
Chi phí QLDN	12.1	42.1	32.2	25.0	22.9
LN thuần từ HĐKD	205	152	119	88.3	88.6
Lợi nhuận khác	-0.32	0.45	-0.11	0.37	-0.73
LN trước thuế	205	152	119	88.6	87.9
Lợi nhuận sau thuế	194	116	95.2	70.3	65.5
LNST của CĐ cty mẹ	194	115	94.3	69.4	64.0

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	288	42.9	-452	472	331
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	70.2	611	-182	-158	-153
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-173	-69.9	-71.2	-167	-152
Tiền đầu kỳ	30.6	216	801	95.9	243
Lưu chuyển tiền thuần	186	584	-705	147	25.2
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.01	0.02	0.01	0.00	0.02
Tiền cuối kỳ	216	801	95.9	243	268

(Nguồn: fireant.vn)